

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HS-ST
Ngày: 07-12-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Tòng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Lê Thị Kim Thu**

2/ Bà **Phạm Thị Em**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Trần Minh Kha** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Văn H (T), sinh năm 1989; tại Bến Tre; Trú tại: Số C, khu phố B, phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 03/12; Con ông Trần Văn Q và bà Châu Thị Đ, Bị cáo có vợ tên Võ Thị S; có 01 con sinh năm 2010; Tiền sự: Không.

- Tiền án:

+ Ngày 26/3/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

+ Ngày 24/02/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

+ Ngày 22/5/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

- Nhân thân:

+ Ngày 17/11/2010, bị Toà án nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản.

+ Ngày 15/3/2021, bị Toà án nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Châu Bình của Bản án số 16/2021/HSST ngày 15/3/2021 của TAND Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (Bị bắt tạm giam từ ngày 01/10/2020). Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số Q, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

+ Nguyễn Quốc T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Ch, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Lương Sơn N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

- *Người chứng kiến:* Trần Văn Thành, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện Ch, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn H:* Ông Lê Quốc Đ – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre (Có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên từ ngày 23/8/2020 đến tháng 9/2020, Trần Văn H đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Châu Thành, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 4 giờ 30 phút, ngày 23/8/2020 Trần Văn H điều khiển xe đạp từ thành phố Bến Tre qua huyện Châu Thành với mục đích tìm tài sản của người khác lấy trộm. Khi đến quán cà phê Mai thuộc ấp Phú Hữu, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, H thấy quán đang mở cửa và bên trong có chị Nguyễn Thị Thanh P đang nằm ngủ trên cổ có sợi dây chuyền 18K, trọng lượng 01 chỉ 03 li gắn mặt dây chuyền cẩm thạch hình phật có ốp vàng 18K, trọng lượng 7,06 phân nên H nảy sinh ý định trộm lấy trộm. Lúc này, H dựng xe đạp bên lề đường và đi bộ vào bên trong lấy cây kéo của quán chị P cắt đứt sợi dây chuyền làm rơi mặt dây chuyền ra, H lấy mặt dây chuyền cất giữ và tiếp tục định lấy luôn sợi dây chuyền nhưng đúng lúc này có người đàn ông chạy xe máy tới nên H sợ bị phát hiện nên bỏ chạy qua Thành phố Bến Tre bán cho một người tên H1 (không rõ địa chỉ cụ thể) số tiền là 850.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Còn chị P sau khi phát hiện mất tài sản nên đã đến Công an trình báo xử lý. Vật chứng không thu hồi được.

Tại bản Kết luận định giá số 2442/KL-HĐĐG ngày 31/12/2020 của Hội đồng định giá huyện Châu Thành kết luận một mặt dây chuyền 18K, kiểu mặt hình phật có trọng lượng 2,96 phân trị giá 1.202.263 đồng.

Tại bản Kết luận định giá số 773/KL-HĐĐG ngày 29/4/2021 của Hội đồng định giá huyện Châu Thành kết luận một sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1c03 giá trị 4.137.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 22 giờ, ngày 27/9/2020, Trần Văn H đi bộ dọc tuyến đường của xã Sơn Hòa, huyện Châu Thành mục đích để tìm tài sản của người khác lấy trộm. Khi đến khu vực thuộc ấp Hòa Chánh, xã Sơn Hòa, huyện Châu Thành, H phát hiện 01 chiếc xe đạp hiệu Martin màu bạc của anh Nguyễn Quốc T đang đậu ngoài lề đường cặp hàng rào của nhà ông Trần Văn R không người trông coi nên H đi đến lấy xe đạp trên chạy về hướng xã Mỹ Thành, Thành phố Bến Tre. Sau đó, H sử dụng xe đạp làm phương tiện tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn Thành phố Bến Tre bị Công an thành phố Bến Tre phát hiện, bắt giữ cùng tang vật.

Tại bản Kết luận định giá số 1407/KL-HĐĐG ngày 06/8/2021 của Hội đồng định giá huyện Châu Thành kết luận một xe đạp hiệu martin màu bạc giá trị 300.000 đồng.

Cáo trạng số 69/CT-VKSCT ngày 29/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Trần Văn H, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận chị P không có yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản chiếm đoạt.

Ghi nhận anh T đã nhận lại một xe đạp hiệu martin màu bạc và không có yêu cầu gì khác.

Về xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Thành đã trả lại cho anh Nguyễn Quốc T một xe đạp hiệu martin màu bạc.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn H: Ông Lê Quốc Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ trình bày ý kiến bào chữa:

Ông thống nhất với nội dung của Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo Trần Văn H phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo H có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, người phạm tội thành khẩn khai báo là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ

luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha bị cáo đã bỏ mẹ con bị cáo khi bị cáo còn nhỏ, mẹ bị cáo hết tuổi lao động, người anh duy nhất trong gia đình là người bị khuyết tật nặng nên hàng tháng được hưởng trợ cấp xã hội, bị cáo có con nhỏ chưa thành niên là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo ở mức thấp nhất của mức phạt mà Viện kiểm sát đề nghị.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị Thanh P trình bày: Về trách nhiệm hình sự bà P xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên bà P không có yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản chiếm đoạt và cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền bị cáo bán mặt dây chuyền là 850.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đồng thời nói lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Quốc T, người làm chứng Lung Sơn Nam, người chứng kiến Trần Văn Thành vắng mặt, người bào chữa cho bị cáo Trần Văn H là ông Lê Quốc Đ có đơn xét xử vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến và đồng ý tiếp tục xét xử khi vắng người bào chữa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử và đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra nên tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại về đặc điểm tài sản, vị trí, thời gian để tài sản mà bị cáo chiếm đoạt và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên trong hai ngày 23/8/2020 tại ấp Phú Hữu, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre và ngày 27/9/2020 tại ấp Hòa Chánh, xã Sơn Hòa, huyện Châu Thành, Trần Văn H đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thanh P 01 mặt dây chuyền 18K, kiềng mặt hình phạt có trọng lượng 2,96 phân và 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 01 chỉ 03 li giá trị 5.339.263 đồng và của anh Nguyễn Quốc T là một xe đạp hiệu Martin màu bạc trị giá 300.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Trần Văn H đã chiếm đoạt là 5.639.263 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Vì muốn có tiền tiêu xài và muốn có phương tiện đi lại nên bị cáo đã nảy sinh ý định và lén lút thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của chị P có giá trị 5.339.263 đồng và xe đạp của anh Nguyễn Quốc T có trị giá 300.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mọi người không an tâm trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo không có tiền sự, nhưng đã có 3 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, vào năm 2010 và năm 2021 bị cáo còn bị Tòa án xét xử về tội trộm cắp tài sản. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, bị hại cũng có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo có con nhỏ chưa thành niên là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, bản tính xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là phù hợp quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo H bị Tòa án nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2021/HS-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, thời hạn tù tính từ ngày 01/10/2020, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do đó phải tổng hợp hình phạt của bản án trên với hình phạt của lần xét xử này, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận chị P không có yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt và cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền 850.000 đồng mà bị cáo có được do bán tài sản đã trộm của chị P.

Ghi nhận anh T đã nhận một xe đạp hiệu Martin màu bạc và không có yêu cầu gì khác.

[8] Về xử lý vật chứng: Ghi nhận cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Thành đã trả lại cho anh Nguyễn Quốc T một xe đạp hiệu Martin màu bạc.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 của Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H (T) phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Trần Văn H **01 (Một) năm 03 (Ba) tháng** tù.

Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2021/HS-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Buộc bị cáo Trần Văn H chấp hành hình phạt chung là **03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/10/2020.

[2] Trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận chị P không có yêu cầu bị cáo bồi thường tiền giá trị tài sản bị chiếm đoạt và cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền 850.000 đồng.

Ghi nhận anh T đã nhận một xe đạp hiệu Martin màu bạc và không có yêu cầu gì khác.

[3] Về xử lý vật chứng: Ghi nhận cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Thành đã trả lại cho anh Nguyễn Quốc T một xe đạp hiệu Martin màu bạc.

[4] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn H được miễn án phí theo quy định.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện (3b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- UBND phường 5, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre (1b);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Thanh Tòng